

DANH SÁCH HỌC SINH TRÚNG TUYỂN VÀO LỚP 10 NĂM HỌC 2020 - 2021

(Kèm theo Quyết định số 475/QĐ-SGDĐT, ngày 19 tháng 8 năm 2020 của Giám đốc sở Giáo dục và Đào tạo Đắk Lắk)

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm TBCN lớp 9	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
1	ĐẶNG THUY AN	Nữ	16/08/2005	Kinh	8,90	40,00	
2	ĐINH THUY AN	Nữ	26/03/2005	Kinh	8,40	40,00	
3	LƯƠNG THỊ THẠCH AN	Nữ	16/04/2005	Kinh	9,00	40,00	
4	NGUYỄN LÊ AN	Nam	01/06/2005	Kinh	7,30	36,00	
5	TRẦN BÌNH AN	Nam	20/05/2005	Kinh	7,20	32,00	
6	TRẦN THỊ HẢI AN	Nữ	26/07/2005	Kinh	7,30	36,00	
7	NGUYỄN QUANG AN	Nam	19/12/2005	Kinh	6,80	30,00	
8	ĐÀO THỊ AN	Nữ	06/02/2005	Kinh	8,00	37,00	
9	HOÀNG XUÂN AN	Nam	31/07/2005	Kinh	6,90	36,00	
10	VŨ THÀNH AN	Nam	16/04/2005	Kinh	7,00	36,00	
11	ĐINH THÁI AN	Nam	15/05/2005	Kinh	6,30	30,00	
12	HOÀNG THỊ ANH	Nữ	19/01/2005	Nùng	8,80	40,50	
13	HÀ HOÀNG TUẤN ANH	Nam	25/08/2005	Nùng	7,80	36,50	
14	TRỊNH NGỌC ĐỨC ANH	Nam	11/04/2005	Kinh	6,70	32,00	
15	NGUYỄN ĐỨC ANH	Nam	21/11/2005	Kinh	6,60	30,00	
16	TRẦN TUẤN ANH	Nam	02/06/2005	Kinh	6,70	34,00	
17	ĐỖ VĂN ANH	Nam	23/05/2005	Kinh	6,70	36,00	
18	NÔNG THỊ HOÀI ANH	Nữ	24/06/2005	Nùng	7,10	34,50	
19	VŨ KIM ÁNH	Nữ	20/10/2005	Kinh	8,40	40,00	
20	NHŨ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	25/10/2005	Kinh	7,10	36,00	
21	TRỊNH THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	15/10/2005	Kinh	8,40	40,00	
22	VÕ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	25/09/2005	Kinh	6,70	36,00	
23	LÊ THỊ NGỌC ÁNH	Nữ	07/10/2005	Kinh	6,10	28,00	
24	NGUYỄN ĐAM THANH BÁCH	Nam	03/02/2005	Kinh	7,80	36,00	
25	TRƯƠNG THÀNH BẢO	Nam	21/07/2005	Kinh	8,50	40,00	
26	TRẦN GIA BẢO	Nam	18/02/2005	Kinh	7,60	34,00	
27	NGUYỄN KHOA BẢO	Nam	25/10/2005	Kinh	7,00	32,00	
28	NGUYỄN TRỌNG BẢO	Nam	31/01/2005	Kinh	6,20	30,50	
29	NGUYỄN THỊ NGỌC BÍCH	Nữ	07/01/2005	Kinh	7,10	37,00	
30	TRƯƠNG ĐÌNH BÌNH	Nam	06/01/2005	Kinh	8,50	40,00	
31	NGUYỄN THỊ BÌNH	Nữ	26/01/2005	Kinh	8,00	40,00	
32	THÁI NGỌC BÌNH	Nam	06/01/2005	Kinh	6,80	29,00	
33	VŨ THỊ BÌNH	Nữ	28/03/2005	Kinh	6,30	28,00	
34	PHẠM VĂN BÌNH	Nam	19/07/2005	Kinh	6,20	28,00	
35	HOÀNG VĂN CẢNH	Nam	25/11/2005	Nùng	7,40	34,50	
36	VÕ MINH CẢNH	Nam	10/10/2005	Kinh	7,20	34,00	
37	LÊ ĐĂNG CÔNG	Nam	25/05/2005	Kinh	7,10	34,00	
38	LÃNG THỊ CỒ	Nữ	11/05/2005	Nùng	7,30	34,50	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm TBCN lớp 9	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
39	NGUYỄN HỮU CỪ	Nam	08/10/2005	Kinh	8,40	40,00	
40	HOÀNG VĂN CUÔNG	Nam	04/04/2005	Nùng	6,70	28,50	
41	PHÙNG KIÊN CUÔNG	Nam	10/02/2005	Nùng	6,60	28,50	
42	TRẦN ĐỨC CUÔNG	Nam	07/03/2005	Kinh	5,60	29,00	
43	LÊ HỒ BẢO CHÂU	Nữ	22/01/2005	Kinh	7,30	36,00	
44	TRIỆU THỊ PHƯƠNG CHI	Nữ	22/11/2005	Nùng	8,40	38,50	
45	ĐẶNG THỊ KIM CHI	Nữ	23/09/2005	Kinh	6,40	31,00	
46	PHẠM MINH CHÍ	Nam	16/04/2005	Kinh	8,00	40,00	
47	LÊ QUỐC CHÍ	Nam	28/05/2005	Kinh	6,30	28,00	
48	VŨ ĐÌNH CHIẾN	Nam	09/11/2005	Kinh	7,30	36,00	
49	LÊ NGỌC CHÍNH	Nam	22/11/2005	Mường	6,40	30,50	
50	TRẦN LÊ NGỌC DIỆP	Nữ	23/10/2005	Kinh	7,60	34,00	
51	HÀ THỊ HOÀNG DIỆU	Nữ	25/03/2005	Mường	7,40	36,50	
52	MÔNG THỊ DOANH	Nữ	10/11/2005	Nùng	6,80	34,50	
53	NGUYỄN THỊ THÙY DUNG	Nữ	09/05/2005	Kinh	6,50	31,00	
54	NGUYỄN ANH DŨNG	Nam	10/06/2005	Kinh	8,20	40,00	
55	TRẦN VĂN DŨNG	Nam	15/06/2005	Kinh	6,40	28,00	
56	NHỮ VĂN DŨNG	Nam	04/07/2005	Kinh	7,10	34,00	
57	NGUYỄN MẠNH DŨNG	Nam	09/10/2005	Kinh	6,40	29,00	
58	NGUYỄN TIẾN DŨNG	Nam	19/04/2005	Kinh	6,50	32,00	
59	LÊ NGỌC DUY	Nam	12/03/2005	Kinh	6,90	36,00	
60	ĐỖ VĂN DUY	Nam	18/09/2005	Kinh	6,80	33,50	
61	LƯƠNG THANH DUYÊN	Nữ	02/02/2005	Kinh	7,80	38,00	
62	LÊ VĂN DƯƠNG	Nam	23/02/2005	Kinh	8,40	39,00	
63	TRẦN THỊ HẢI DƯƠNG	Nữ	25/04/2005	Kinh	7,00	32,00	
64	PHẠM VĂN DƯƠNG	Nam	12/05/2005	Kinh	5,70	28,00	
65	NGUYỄN THỊ ANH ĐÀO	Nữ	24/11/2005	Kinh	7,50	37,00	
66	PHẠM TIẾN ĐẠT	Nam	24/04/2005	Kinh	6,30	30,00	
67	NGUYỄN MINH ĐẠT	Nam	28/12/2005	Kinh	6,50	30,00	
68	NGUYỄN ĐÌNH ĐẠT	Nam	25/07/2005	Kinh	6,20	28,00	
69	NGUYỄN TIẾN ĐẠT	Nam	08/11/2005	Kinh	6,50	30,00	
70	HOÀNG HẢI ĐĂNG	Nam	01/05/2005	Kinh	7,80	37,00	
71	ĐẶNG VĂN ĐOÀN	Nam	17/03/2005	Kinh	7,30	36,00	
72	PHẠM VĂN ĐỨC	Nam	14/10/2005	Kinh	6,50	30,00	
73	VŨ MINH ĐỨC	Nam	09/01/2005	Kinh	6,70	28,00	
74	PHẠM MINH ĐỨC	Nam	20/11/2005	Kinh	5,60	29,00	
75	PHAN THỊ HỒNG GẮM	Nữ	01/05/2005	Kinh	7,40	36,00	
76	NGUYỄN THỊ LAM GIANG	Nữ	24/07/2005	Kinh	7,00	34,00	
77	NGUYỄN THỊ LAM GIANG	Nữ	13/01/2005	Kinh	7,50	36,00	
78	PHAN THỊ GIANG	Nữ	12/03/2005	Kinh	6,50	30,00	
79	TRỊNH DƯƠNG GIANG	Nữ	22/11/2005	Kinh	7,80	37,00	
80	ĐẶNG NGỌC HÀ	Nữ	12/07/2005	Kinh	8,90	40,00	
81	PHẠM THỊ THU HÀ	Nữ	22/07/2005	Kinh	8,60	40,00	
82	NGUYỄN NGỌC HÀ	Nữ	28/03/2005	Kinh	8,30	40,00	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm TBCN lớp 9	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
83	NGUYỄN THỊ THANH HÀ	Nữ	29/09/2005	Kinh	7,40	36,50	
84	NGUYỄN NGỌC HÀ	Nam	13/09/2005	Kinh	7,40	36,00	
85	ĐÌNH NGUYỄN HỮU HÀ	Nam	20/12/2005	Kinh	6,40	30,50	
86	BÙI THỊ THU HÀ	Nữ	31/03/2005	Kinh	7,40	36,00	
87	NGUYỄN THỊ THU HÀ	Nữ	22/07/2005	Kinh	6,50	32,00	
88	TRẦN ĐẠI HẢI	Nam	21/07/2005	Kinh	8,70	40,00	
89	TRẦN THỊ THANH HẢI	Nữ	15/10/2005	Kinh	6,40	28,00	
90	TRẦN VĂN HẢI	Nam	10/06/2005	Kinh	7,30	34,00	
91	NÔNG VĂN HẢI	Nam	26/02/2005	Nùng	7,20	34,50	
92	HOÀNG THỊ HỒNG HẠNH	Nữ	28/07/2005	Nùng	8,70	40,50	
93	LÊ THỊ HẠNH	Nữ	27/03/2005	Kinh	7,40	36,00	
94	NGUYỄN THÚY HẠNH	Nữ	26/10/2005	Kinh	6,80	34,00	
95	TÔ THIÊN HẠO	Nam	23/10/2005	Kinh	7,00	34,00	
96	LÊ THỊ HẰNG	Nữ	16/06/2005	Kinh	7,50	37,00	
97	MÔNG THỊ HẰNG	Nữ	05/05/2005	Tày	7,90	36,50	
98	PHƯƠNG THÚY HẰNG	Nữ	14/08/2005	Nùng	7,60	36,50	
99	PHẠM HOÀNG NGỌC HÂN	Nữ	06/11/2005	Kinh	7,50	36,00	
100	NGUYỄN VĂN HẬU	Nam	01/01/2005	Kinh	6,30	29,00	
101	NGUYỄN THỊ THUÝ HIỀN	Nữ	19/08/2005	Kinh	8,00	38,00	
102	NGUYỄN THỊ HIỀN	Nữ	18/08/2005	Kinh	7,00	36,00	
103	HỨA THỊ HIỀN	Nữ	18/08/2005	Nùng	7,80	36,50	
104	HOÀNG THỊ THU HIỀN	Nữ	29/10/2005	Nùng	7,10	30,50	
105	HOÀNG HUY HIẾU	Nam	18/01/2005	Nùng	6,80	30,50	
106	MÃ THỊ HIẾU	Nữ	25/05/2005	Nùng	7,00	34,50	
107	LÊ VĂN HIẾU	Nam	29/12/2005	Kinh	6,30	28,50	
108	LÊ THỊ MỸ HOA	Nữ	01/08/2005	Kinh	7,60	36,50	
109	NGUYỄN NGỌC HÒA	Nam	19/06/2005	Kinh	7,00	30,00	
110	PHẠM VĂN HÒA	Nam	30/03/2005	Kinh	5,90	28,00	
111	ĐÀO THỊ HOÀI	Nữ	02/07/2005	Kinh	8,20	38,00	
112	LÝ THỊ NGỌC HOÀI	Nữ	19/10/2005	Tày	7,20	34,50	
113	NGUYỄN THỊ HOÀI	Nữ	11/08/2005	Kinh	5,70	28,00	
114	NGUYỄN ĐỨC HOÀNG	Nam	09/08/2005	Kinh	8,30	38,00	
115	LÊ XUÂN HOÀNG	Nam	27/12/2004	Kinh	6,80	30,00	
116	NHỮ VIỆT HOÀNG	Nam	27/05/2005	Kinh	6,90	34,00	
117	VŨ ĐÌNH HOÀNG	Nam	15/08/2005	Kinh	6,40	27,00	
118	NGUYỄN HUY HOÀNG	Nam	24/08/2005	Kinh	7,00	36,00	
119	PHẠM DUY HOÀNG	Nam	05/10/2005	Mường	5,60	28,50	
120	HÀ THỊ MỸ HÔI	Nữ	29/03/2005	Kinh	8,00	38,00	
121	HOÀNG VĂN HỘI	Nam	08/10/2005	Nùng	6,70	28,50	
122	LÊ THỊ HỒNG	Nữ	17/06/2005	Kinh	7,30	36,00	
123	PHẠM THỊ HỒNG	Nữ	02/10/2005	Kinh	7,20	36,00	
124	H DÙM HRA	Nữ	27/02/2005	Ê-đê	5,90	28,50	
125	HÀ HUY HÙNG	Nam	06/06/2005	Kinh	6,70	32,00	
126	NGUYỄN HỮU HÙNG	Nam	15/09/2005	Kinh	6,80	34,00	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm TBCN lớp 9	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
127	ĐÀO PHI HÙNG	Nam	07/09/2005	Kinh	6,10	28,00	
128	ĐẶNG VŨ ĐỨC HÙNG	Nam	20/05/2005	Kinh	6,80	36,00	
129	THÂM ĐỨC HÙNG	Nam	11/09/2005	Tày	6,00	27,50	
130	TRƯƠNG QUỐC HUY	Nam	21/11/2005	Kinh	8,20	40,50	
131	TRẦN VĂN HUY	Nam	10/02/2005	Kinh	6,60	30,00	
132	PHẠM VĂN HUY	Nam	27/09/2005	Kinh	6,00	28,00	
133	NGUYỄN KHÁNH HUYỀN	Nữ	21/08/2005	Kinh	7,40	34,00	
134	PHẠM THỊ HUYỀN	Nữ	08/01/2005	Kinh	6,80	37,00	
135	LÊ THU HUYỀN	Nữ	20/06/2005	Kinh	8,00	37,50	
136	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG HUYỀN	Nữ	30/10/2005	Kinh	7,70	36,00	
137	PHẠM THỊ HUYỀN	Nữ	03/01/2005	Kinh	6,60	29,00	
138	NGUYỄN ĐÌNH HÙNG	Nam	09/05/2005	Kinh	6,30	30,00	
139	DƯƠNG THỊ LAN HƯƠNG	Nữ	02/02/2005	Kinh	6,50	30,00	
140	HỨA THỊ THANH HƯỜNG	Nữ	23/04/2005	Nùng	8,60	40,50	
141	HOÀNG THỊ HƯỜNG	Nữ	04/06/2005	Nùng	7,80	36,50	
142	TRẦN THU HƯỜNG	Nữ	17/09/2005	Kinh	6,20	28,00	
143	H'CHÍNH HWING	Nữ	14/04/2005	Ê-đê	6,10	30,50	
144	NGUYỄN TRUNG KIÊN	Nam	25/03/2005	Kinh	8,20	40,00	
145	ĐÀO TRUNG KIÊN	Nam	30/07/2005	Kinh	6,90	32,50	
146	TRẦN VĂN TUẤN KIẾT	Nam	02/03/2005	Kinh	7,10	36,00	
147	PHAN ĐẶNG ANH KIẾT	Nam	01/11/2004	Kinh	5,60	30,00	
148	NGUYỄN THỊ KIỀU	Nữ	22/11/2005	Kinh	7,30	34,00	
149	PHẠM THÚY KIỀU	Nữ	26/02/2005	Kinh	6,50	29,00	
150	Y HOÀNG KSƠ	Nam	16/07/2005	Ê-đê	5,40	27,50	
151	TRẦN ĐĂNG KHANG	Nam	27/04/2005	Kinh	6,10	30,50	
152	TRẦN DUY KHÁNH	Nam	06/04/2005	Kinh	7,10	36,00	
153	LÊ BÙI HUY KHÁNH	Nam	28/09/2005	Kinh	6,70	34,00	
154	NÔNG VĂN KHẢO	Nam	17/01/2005	Nùng	6,70	30,50	
155	TRẦN GIA KHIÊM	Nam	04/10/2005	Kinh	8,10	39,00	
156	NGUYỄN VĂN KHOA	Nam	06/02/2005	Kinh	8,00	39,50	
157	LÊ TRẦN QUANG KHÔI	Nam	20/04/2005	Kinh	8,00	40,00	
158	NGUYỄN TIẾN KHÔI	Nam	08/09/2005	Kinh	7,10	34,00	
159	PHAN THỊ NGỌC LAN	Nữ	07/02/2005	Kinh	8,50	40,00	
160	VÕ CAO YÊN LÀNH	Nữ	12/01/2005	Kinh	6,40	29,00	
161	PHẠM GIA LÂM	Nam	21/11/2005	Kinh	6,60	34,00	
162	NGUYỄN DANH LÂM	Nam	01/04/2005	Kinh	5,60	31,00	
163	LÊ ANH HOÀNG LINH	Nữ	08/10/2005	Kinh	7,90	36,00	
164	NGUYỄN ÁNH LINH	Nữ	09/06/2005	Kinh	7,80	37,00	
165	TRẦN THỊ PHƯƠNG LINH	Nữ	23/11/2005	Kinh	7,10	34,00	
166	HỨA KHÁNH LINH	Nữ	18/12/2005	Kinh	6,80	34,00	
167	NGUYỄN THỊ KHÁNH LINH	Nữ	26/01/2005	Kinh	7,60	36,00	
168	TRẦN THỊ NGỌC LINH	Nữ	15/06/2005	Kinh	7,10	36,00	
169	NGUYỄN THỊ THÙY LINH	Nữ	06/07/2005	Kinh	7,20	36,00	
170	TRẦN KHÁNH LINH	Nữ	03/11/2005	Kinh	7,70	36,00	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm TBCN lớp 9	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
171	VŨ THỊ KHÁNH LINH	Nữ	12/03/2005	Kinh	7,00	36,00	
172	NGUYỄN THÁI THÙY LINH	Nữ	12/11/2005	Kinh	6,80	34,00	
173	DƯƠNG THỊ LINH	Nữ	28/06/2005	Kinh	6,20	28,50	
174	HOÀNG THỊ HƯƠNG LINH	Nữ	18/06/2005	Nùng	6,40	28,50	
175	NGUYỄN MAI ANH LONG	Nam	27/11/2005	Kinh	7,20	36,00	
176	ĐỖ VĂN LONG	Nam	21/06/2005	Kinh	6,80	36,00	
177	PHẠM ĐỨC LONG	Nam	04/05/2005	Kinh	7,40	36,00	
178	NGUYỄN PHẠM BẢO LONG	Nam	11/01/2005	Kinh	6,50	30,00	
179	PHẠM ĐÌNH LỘC	Nam	03/12/2005	Kinh	6,20	28,00	
180	PHAN DUY LỢI	Nam	24/09/2005	Kinh	6,60	34,00	
181	NGUYỄN THỊ LỢI	Nữ	06/10/2005	Kinh	7,90	36,00	
182	HOÀNG VĂN LUÂN	Nam	05/07/2005	Nùng	7,20	34,50	
183	HỒ KIM LUÂN	Nam	25/05/2005	Kinh	6,50	32,00	
184	MÔNG VĂN LUYỆN	Nam	03/01/2005	Nùng	6,10	28,50	
185	PHẠM THỊ HIỀN LƯƠNG	Nữ	01/09/2005	Kinh	7,00	36,00	
186	ĐỖ MINH LƯƠNG	Nam	28/09/2005	Kinh	6,00	28,00	
187	THÁI KIM LƯƠNG	Nam	29/06/2005	Kinh	5,50	28,50	
188	PHAN THỊ THANH LY	Nữ	12/08/2005	Kinh	8,20	38,00	
189	HỒ THỊ CẨM LY	Nữ	25/03/2005	Kinh	7,40	34,00	
190	NGUYỄN THỊ XUÂN MAI	Nữ	05/09/2005	Kinh	7,00	32,50	
191	HOÀNG THỊ MINH	Nữ	24/11/2005	Nùng	8,80	40,50	
192	LÊ QUANG MINH	Nam	10/02/2005	Kinh	7,30	36,00	
193	NGUYỄN THỊ BẢO MINH	Nữ	05/11/2005	Kinh	7,00	34,00	
194	QUỐC AN MINH	Nam	14/06/2005	Nùng	7,20	36,50	
195	HOÀNG THỊ MỐI	Nữ	23/01/2005	Nùng	6,80	32,50	
196	TRẦN THỊ CẨM MY	Nữ	01/05/2005	Kinh	8,70	40,00	
197	ĐẶNG THỊ TRÀ MY	Nữ	29/11/2005	Kinh	7,20	36,00	
198	CHU DIỄM MY	Nữ	17/02/2005	Kinh	7,50	36,00	
199	NGUYỄN THỊ ÁI MỸ	Nữ	07/08/2005	Kinh	7,50	37,00	
200	DƯƠNG VIỆT NAM	Nam	10/02/2005	Kinh	6,40	30,00	
201	VŨ ĐÌNH NAM	Nam	18/03/2005	Kinh	6,40	27,00	
202	H'MÁI NIÊ	Nữ	05/07/2005	Ê-đê	5,80	28,50	
203	H'XUÂN NIÊ	Nữ	02/06/2004	Ê-đê	5,40	28,50	
204	VI THỊ HẰNG NGA	Nữ	20/03/2005	Nùng	6,30	28,50	
205	MAI THỊ THU NGÀ	Nữ	08/03/2005	Kinh	6,90	36,00	
206	THÁI HUYỀN NGÂN	Nữ	30/04/2005	Kinh	7,40	36,00	
207	LƯƠNG GIA NGÂN	Nữ	20/11/2005	Kinh	7,10	36,00	
208	NGUYỄN THỊ NGÂN	Nữ	24/06/2005	Kinh	7,80	36,50	
209	LÊ ĐẶNG GIA NGHI	Nữ	05/08/2005	Kinh	7,40	36,00	
210	VÕ TRỌNG NGHĨA	Nam	14/07/2005	Kinh	6,70	34,00	
211	TRẦN ÁI HẬU NGHĨA	Nam	28/10/2005	Kinh	6,40	28,00	
212	VÕ NGỌC NGHĨA	Nam	19/06/2005	Kinh	6,30	28,00	
213	ĐÌNH QUANG NGHIỆP	Nam	23/08/2005	Kinh	6,90	30,00	
214	PHÙNG LÊ NHƯ NGỌC	Nữ	06/06/2005	Kinh	8,10	39,00	

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm TBCN lớp 9	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
215	LÊ THỊ HỒNG	NGỌC	Nữ	28/09/2005	Kinh	6,70	36,00	
216	ĐÀM THỊ NHƯ	NGỌC	Nữ	25/08/2005	Kinh	7,70	37,00	
217	LÊ ÁNH	NGỌC	Nữ	02/09/2005	Kinh	7,20	36,00	
218	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	Nữ	11/01/2005	Kinh	7,10	36,00	
219	TẠ THỊ NHƯ	NGỌC	Nữ	07/02/2005	Kinh	6,90	36,00	
220	LƯƠNG THỊ HỒNG	NGỌC	Nữ	01/05/2005	Nùng	8,70	40,50	
221	TRỊNH THỊ THẢO	NGUYỄN	Nữ	17/02/2005	Kinh	8,80	40,00	
222	NGUYỄN NAM	NGUYỄN	Nam	01/03/2005	Kinh	7,50	36,00	
223	HUỲNH THANH	NGUYỄN	Nam	23/09/2005	Kinh	7,10	36,00	
224	NGUYỄN HỮU	NGUYỄN	Nam	23/01/2005	Kinh	7,10	34,00	
225	PHÙNG THỊ	NGUYỄN	Nữ	03/05/2004	Nùng	7,20	32,50	
226	ĐINH THỊ MINH	NGUYỆT	Nữ	23/10/2005	Mường	7,30	34,50	
227	ĐẶNG VĂN	NHÂN	Nam	28/08/2005	Kinh	7,80	36,00	
228	ĐỖ THẾ	NHÂN	Nam	26/03/2005	Kinh	7,40	36,00	
229	NGUYỄN HỮU	NHẬT	Nam	15/06/2005	Kinh	7,10	36,00	
230	ĐOÀN THỊ TỔ	NHI	Nữ	26/06/2005	Kinh	8,60	40,00	
231	NGUYỄN THỊ THẢO	NHI	Nữ	06/09/2005	Kinh	8,10	37,00	
232	LÊ YẾN	NHI	Nữ	09/12/2005	Kinh	8,40	39,00	
233	PHÙNG THỊ YẾN	NHI	Nữ	22/05/2005	Kinh	8,00	40,00	
234	CHU THỊ YẾN	NHI	Nữ	08/03/2005	Nùng	6,80	36,50	
235	TRẦN THỊ HỒNG	NHUNG	Nữ	16/02/2005	Kinh	8,70	40,50	
236	NGUYỄN THỊ TRANG	NHUNG	Nữ	16/06/2005	Kinh	7,90	36,00	
237	VÕ THỊ TUYẾT	NHUNG	Nữ	06/05/2005	Kinh	7,40	36,00	
238	NGÔ HỒNG	NHUNG	Nữ	04/07/2005	Kinh	7,10	36,00	
239	NGUYỄN THỊ	NHUNG	Nữ	13/07/2005	Kinh	7,00	34,00	
240	LÝ THỊ	NHUNG	Nữ	13/08/2005	Nùng	8,00	36,50	
241	TRẦN QUỲNH	NHƯ	Nữ	21/08/2005	Kinh	8,40	40,00	
242	BÙI THỊ	NHƯ	Nữ	14/08/2005	Kinh	7,90	36,00	
243	NGUYỄN THỊ YẾN	NHƯ	Nữ	23/03/2005	Kinh	7,90	36,00	
244	VĂN THỊ KIM	OANH	Nữ	28/11/2005	Kinh	8,50	40,50	
245	NGUYỄN KIM	PHÁT	Nam	10/11/2005	Kinh	6,20	28,00	
246	BÙI TIẾN	PHÁT	Nam	30/06/2005	Kinh	5,90	28,00	
247	VÕ HOÀNG	PHI	Nam	01/01/2005	Kinh	7,80	36,00	
248	ĐẶNG HÙNG	PHONG	Nam	06/06/2005	Kinh	6,00	28,00	
249	MÔNG TRUNG	PHONG	Nam	25/06/2005	Nùng	6,90	32,50	
250	THÁI NGỌC	PHÚ	Nam	01/01/2005	Kinh	7,80	37,00	
251	TRẦN DUY	PHÚ	Nam	07/01/2005	Kinh	7,50	34,00	
252	LÊ HOÀNG	PHÚ	Nam	07/12/2005	Kinh	6,90	30,50	
253	HUỲNH NGỌC	PHÚ	Nam	22/10/2005	Kinh	6,90	29,00	
254	HOÀNG THỊ	PHƯƠNG	Nữ	18/05/2005	Kinh	8,80	40,00	
255	ĐỖ TRẦN NAM	PHƯƠNG	Nữ	13/05/2005	Kinh	7,40	36,00	
256	PHẠM LƯU QUỲNH	PHƯƠNG	Nữ	02/11/2005	Kinh	8,20	40,00	
257	HỒ NGỌC HÀ	PHƯƠNG	Nữ	26/12/2005	Kinh	6,40	32,00	
258	LÊ THỊ MỸ	PHƯƠNG	Nữ	10/02/2005	Kinh	8,00	38,00	

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm TBCN lớp 9	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
259	VŨ TÚ	PHƯƠNG	Nữ	16/05/2005	Kinh	6,10	28,00	
260	HOÀNG THỊ	PHƯƠNG	Nữ	17/01/2005	Nùng	6,60	28,50	
261	VŨ THỊ BÍCH	PHƯƠNG	Nữ	03/04/2005	Kinh	7,10	36,00	
262	VŨ THỊ THANH	PHƯƠNG	Nữ	06/08/2005	Kinh	7,60	36,50	
263	PHẠM BÁ	QUANG	Nam	17/09/2005	Kinh	7,10	34,00	
264	NGỌC MINH	QUANG	Nam	26/02/2005	Nùng	6,10	28,50	
265	NGÔ NHẬT	QUANG	Nam	14/07/2005	Kinh	5,90	30,00	
266	HOÀNG MINH	QUÂN	Nam	07/05/2005	Nùng	8,10	38,50	
267	NGUYỄN GIA	QUÂN	Nam	03/07/2005	Kinh	8,00	37,00	
268	HOÀNG MINH	QUÂN	Nam	30/08/2005	Kinh	6,50	36,00	
269	VŨ DUY	QUÂN	Nam	13/02/2005	Kinh	7,20	31,50	
270	NGUYỄN THÀNH	QUẾ	Nam	25/11/2005	Kinh	8,40	39,00	
271	NGUYỄN TIẾN	QUỐC	Nam	19/12/2005	Kinh	6,10	30,00	
272	CHU TRỌNG	QUYẾT	Nam	20/08/2005	Kinh	7,30	36,00	
273	VƯƠNG NHƯ	QUỲNH	Nữ	30/11/2005	Kinh	8,60	40,00	
274	NGUYỄN PHAN BẢO	QUỲNH	Nữ	02/12/2005	Kinh	7,50	36,50	
275	BÙI THỊ NHƯ	QUỲNH	Nữ	06/10/2005	Kinh	7,60	36,50	
276	TRẦN CAO PHƯƠNG	QUỲNH	Nữ	18/07/2005	Kinh	7,60	36,00	
277	TRẦN THỊ NHƯ	QUỲNH	Nữ	26/06/2005	Kinh	6,80	32,00	
278	NHỮ ĐÌNH	SANG	Nam	07/09/2005	Kinh	6,40	27,00	
279	VŨ NHẬT	SINH	Nam	13/10/2005	Kinh	6,70	36,00	
280	NGUYỄN THỨC	SƠN	Nam	06/01/2005	Kinh	8,40	37,00	
281	BÙI ĐẶNG	SƠN	Nam	13/08/2005	Kinh	6,50	30,00	
282	TRẦN NGỌC HOÀI	SƠN	Nam	28/08/2005	Kinh	6,30	28,00	
283	NGUYỄN BÁ PHÚC	SƠN	Nam	11/07/2005	Kinh	5,40	28,00	
284	ĐÀO THỊ MINH	TÂM	Nữ	20/08/2005	Kinh	8,40	40,00	
285	PHAN THỊ MỸ	TÂM	Nữ	09/07/2005	Kinh	8,00	37,00	
286	NGUYỄN THỊ	TÂM	Nữ	28/10/2005	Kinh	7,50	36,00	
287	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	Nữ	04/08/2005	Kinh	7,30	36,00	
288	CHU THỊ THANH	TÂM	Nữ	20/08/2005	Kinh	7,50	36,00	
289	NGUYỄN ĐÌNH	TÂM	Nam	15/06/2005	Kinh	6,70	32,00	
290	PHAN THỊ DIỆU	TIẾN	Nữ	10/05/2005	Kinh	7,40	36,00	
291	NGUYỄN HỮU	TIẾN	Nam	04/02/2005	Kinh	7,20	35,00	
292	TRẦN NGỌC	TÍN	Nam	21/11/2005	Kinh	6,50	30,00	
293	NGUYỄN TRỌNG	TOÀN	Nam	11/06/2005	Kinh	7,20	34,00	
294	NGUYỄN VĂN	TOÀN	Nam	31/05/2005	Kinh	7,30	36,00	
295	NGUYỄN VĂN	TÚ	Nam	18/05/2005	Kinh	6,40	30,00	
296	VI VĂN	TÚ	Nam	21/01/2005	Nùng	7,20	30,50	
297	ĐẶNG VĂN	TUÂN	Nam	08/06/2005	Kinh	6,00	28,00	
298	HOÀNG ANH	TUÂN	Nam	22/04/2005	Kinh	7,20	32,50	
299	VŨ KHẮC	TUÂN	Nam	20/02/2005	Kinh	6,20	28,00	
300	LƯU GIA	TÙNG	Nam	07/11/2005	Kinh	6,10	30,00	
301	TRẦN THANH	TÙNG	Nam	19/04/2005	Kinh	5,40	30,00	
302	NÔNG VĂN	TUYÊN	Nam	04/01/2005	Tày	6,40	27,50	

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm TBCN lớp 9	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
303	CHU THỊ THANH	TUYỀN	Nữ	07/02/2005	Kinh	8,20	40,00	
304	HOÀNG ĐỨC	TUYỀN	Nam	05/09/2005	Nùng	6,90	32,50	
305	HOÀNG THỊ	TUYỀN	Nữ	28/12/2005	Kinh	6,20	28,00	
306	TRIỆU THỊ	TUYẾT	Nữ	25/02/2005	Nùng	7,10	30,50	
307	ĐỖ HOÀNG	THÁI	Nam	28/11/2005	Kinh	7,20	36,00	
308	PHẠM KIM	THANH	Nam	21/06/2005	Kinh	7,00	36,50	
309	MÔNG THỊ	THANH	Nữ	26/12/2005	Nùng	8,20	38,50	
310	TRẦN THỊ	THANH	Nữ	05/10/2005	Kinh	7,30	36,00	
311	DƯƠNG NGỌC	THÀNH	Nam	25/05/2005	Kinh	7,60	36,00	
312	TRẦN ĐOÀN MINH	THÀNH	Nam	07/06/2005	Kinh	8,00	37,00	
313	ĐẶNG THỊ	THAO	Nữ	17/08/2005	Kinh	7,70	36,00	
314	LÊ HUYỀN PHƯƠNG	THẢO	Nữ	10/11/2005	Kinh	8,00	37,00	
315	LƯƠNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	Nữ	14/05/2005	Kinh	8,10	38,00	
316	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	Nữ	03/08/2005	Kinh	7,20	38,00	
317	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	Nữ	08/03/2005	Kinh	6,90	34,00	
318	NGUYỄN THỊ KIM	THẢO	Nữ	23/08/2005	Kinh	6,00	28,00	
319	VŨ THỊ	THẢO	Nữ	03/06/2005	Kinh	5,80	28,00	
320	NGUYỄN THANH	THẢO	Nữ	13/08/2005	Kinh	6,40	28,00	
321	NGUYỄN THỊ	THẢO	Nữ	15/06/2005	Kinh	6,00	28,00	
322	PHẠM XUÂN	THẮNG	Nam	19/04/2005	Kinh	6,90	32,00	
323	TRẦN VĂN	THẮNG	Nam	19/05/2005	Kinh	6,80	30,00	
324	HOÀNG THỊ MINH	THI	Nữ	06/02/2005	Kinh	8,30	40,00	
325	NGUYỄN ĐÌNH	THI	Nam	14/12/2005	Kinh	6,90	36,00	
326	TRẦN HOÀNG	THIÊN	Nữ	04/08/2005	Kinh	6,10	30,00	
327	NGUYỄN HUY	THIÊN	Nam	08/03/2005	Kinh	7,80	36,00	
328	ĐÀO PHƯỚC	THIÊN	Nam	08/08/2005	Kinh	7,30	36,00	
329	HOÀNG VĂN QUYỀN	THỌ	Nam	14/08/2005	Tày	7,10	34,50	
330	TRIỆU THỊ	THOA	Nữ	24/05/2005	Tày	8,10	37,50	
331	PHAN THỊ MINH	THỎ	Nữ	25/07/2005	Kinh	8,40	40,00	
332	NGUYỄN THỊ	THỎM	Nữ	27/09/2005	Kinh	6,20	28,00	
333	HOÀNG THÙY	THỎM	Nữ	22/10/2005	Nùng	7,70	36,50	
334	TRẦN THỊ LỆ	THU	Nữ	14/05/2005	Kinh	7,70	36,00	
335	VÕ VĂN	THUẬN	Nam	09/08/2005	Kinh	6,30	30,00	
336	TRIỆU THỊ THANH	THÙY	Nữ	20/07/2005	Tày	7,40	34,50	
337	HUỲNH THỊ THU	THỦY	Nữ	03/03/2005	Kinh	8,50	40,00	
338	PHẠM THỊ	THỦY	Nữ	19/02/2005	Kinh	8,70	40,00	
339	NGUYỄN THỊ NGỌC	THỦY	Nữ	28/10/2005	Kinh	7,50	36,00	
340	ĐẶNG THỊ THU	THỦY	Nữ	06/02/2005	Kinh	6,70	30,00	
341	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	Nữ	28/10/2005	Kinh	6,70	30,50	
342	NGUYỄN THỊ DIỄM	THÚY	Nữ	18/10/2005	Kinh	7,00	32,00	
343	NGUYỄN ANH	THỨ	Nữ	20/08/2005	Kinh	8,40	40,00	
344	ĐÌNH MINH	THỨ	Nữ	13/11/2005	Kinh	6,90	36,00	
345	PHAN THỊ PHƯƠNG	THỨ	Nữ	21/09/2005	Kinh	7,30	36,50	
346	LÝ TRUNG	THỰC	Nam	02/12/2005	Nùng	7,00	36,50	

TT	Họ và tên		Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm TBCN lớp 9	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
347	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG	Nữ	19/11/2005	Kinh	7,30	36,50	
348	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG	Nữ	09/12/2005	Kinh	7,40	39,00	
349	LÊ THỊ KIỀU	TRANG	Nữ	07/10/2005	Kinh	8,40	38,50	
350	VÕ THÙY	TRANG	Nữ	25/07/2005	Kinh	8,30	40,00	
351	NGUYỄN THỊ THU	TRANG	Nữ	08/03/2005	Kinh	8,50	38,00	
352	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	Nữ	01/10/2005	Kinh	7,70	36,00	
353	ĐỖ THỊ THÙY	TRANG	Nữ	28/05/2005	Kinh	6,90	34,00	
354	NGUYỄN THỊ	TRANG	Nữ	08/09/2005	Kinh	7,60	36,00	
355	VŨ KIỀU	TRANG	Nữ	24/09/2005	Kinh	6,30	28,00	
356	ĐẶNG THỊ THÙY	TRANG	Nữ	29/10/2005	Kinh	7,20	34,00	
357	ĐINH THỊ THUỖ	TRANG	Nữ	18/06/2005	Kinh	7,00	36,50	
358	NGUYỄN THỊ THUỖ	TRANG	Nữ	27/11/2005	Kinh	7,00	34,50	
359	PHẠM THỊ	TRANG	Nữ	19/09/2005	Mường	6,40	28,50	
360	PHẠM THỊ NHƯ	TRANG	Nữ	24/01/2005	Kinh	8,20	39,00	
361	PHẠM THỊ THU	TRANG	Nữ	01/01/2005	Kinh	7,90	37,00	
362	NGUYỄN THỊ HUYỀN	TRANG	Nữ	13/02/2005	Kinh	7,60	36,00	
363	DƯƠNG NGỌC	TRÂM	Nữ	28/04/2005	Tày	7,20	34,50	
364	PHÙNG THỊ HUYỀN	TRÂM	Nữ	17/06/2005	Kinh	7,30	36,00	
365	BÙI NGUYỄN LÊ	TRÂN	Nữ	10/03/2005	Kinh	7,40	36,00	
366	PHẠM NGUYỄN	TRIỆU	Nam	11/09/2005	Kinh	7,20	34,00	
367	TRẦN ĐÌNH	TRỌNG	Nam	24/02/2004	Kinh	7,00	34,00	
368	BÙI VĂN	TRỌNG	Nam	16/10/2005	Kinh	6,50	30,00	
369	NGUYỄN QUANG	TRUNG	Nam	19/04/2005	Kinh	6,30	28,00	
370	PHẠM NGỌC	TRUNG	Nam	26/01/2005	Kinh	6,40	30,00	
371	LÊ VÕ CHÍ	TRUNG	Nam	21/10/2005	Kinh	7,00	34,00	
372	BÙI THANH	TRƯỜNG	Nam	01/01/2005	Kinh	7,40	36,00	
373	LÝ XUÂN	TRƯỜNG	Nam	01/12/2005	Nùng	6,30	28,50	
374	NGUYỄN CÔNG	TRƯỜNG	Nam	19/05/2005	Kinh	7,60	36,00	
375	NGUYỄN LÂM PHI	TRƯỜNG	Nam	04/07/2005	Kinh	7,40	36,00	
376	PHẠM ĐỨC	TRƯỜNG	Nam	18/03/2005	Kinh	6,80	36,00	
377	NGUYỄN TẤN	TRƯỜNG	Nam	07/08/2005	Kinh	6,00	27,50	
378	HỒ DUY	UYÊN	Nữ	20/11/2005	Kinh	9,10	40,00	
379	NGUYỄN THỊ TÚ	UYÊN	Nữ	27/01/2005	Kinh	9,00	40,00	
380	LÊ HẢI	UYÊN	Nữ	26/02/2005	Kinh	6,80	36,00	
381	NGUYỄN PHƯƠNG	UYÊN	Nữ	13/06/2005	Kinh	7,40	37,50	
382	TRƯƠNG THỊ THU	UYÊN	Nữ	02/10/2005	Tày	7,00	34,50	
383	VÕ MINH	VANG	Nam	20/10/2005	Kinh	5,90	28,00	
384	PHẠM THỊ CẨM	VÂN	Nữ	08/10/2005	Kinh	8,50	39,00	
385	NGUYỄN THỊ CẨM	VÂN	Nữ	15/05/2005	Kinh	7,20	36,50	
386	TRIỆU THỊ LINH	VÂN	Nữ	13/11/2005	Kinh	6,00	28,00	
387	ĐINH NGUYỄN HÀ	VI	Nữ	15/08/2005	Kinh	8,30	39,50	
388	TRIỆU HỒNG	VĨ	Nam	04/02/2005	Nùng	7,00	30,50	
389	VÕ CAO	VIÊN	Nam	21/10/2005	Kinh	8,00	37,00	
390	BÙI QUỐC	VIỆT	Nam	01/11/2005	Kinh	6,80	32,00	

TT	Họ và tên	Giới tính	Ngày sinh	Dân tộc	Điểm TBCN lớp 9	Tổng điểm xét tuyển	Ghi chú
391	NGUYỄN QUỐC VIỆT	Nam	09/06/2005	Kinh	6,90	32,00	
392	NGUYỄN HOÀNG VIỆT	Nam	04/05/2005	Kinh	7,10	36,00	
393	NÔNG VĂN VIỆT	Nam	16/11/2005	Nùng	6,20	27,50	
394	TRẦN HOÀNG VIỆT	Nam	17/04/2005	Kinh	6,50	28,00	
395	NGUYỄN TẮT VINH	Nam	13/11/2005	Kinh	7,40	34,00	
396	NGUYỄN ĐA VÍT	Nam	03/08/2005	Kinh	9,00	40,00	
397	LÊ HOÀNG VŨ	Nam	18/02/2005	Kinh	8,00	37,50	
398	ĐÀO NGỌC VŨ	Nam	23/09/2005	Kinh	6,70	29,00	
399	NGUYỄN HOÀNG VŨ	Nam	17/12/2005	Kinh	6,70	32,00	
400	NGUYỄN VĂN HOÀNG VŨ	Nam	14/10/2005	Kinh	7,00	36,00	
401	LÊ THỊ TRÀ VY	Nữ	28/05/2005	Kinh	7,20	36,00	
402	VÕ HOÀI VY	Nữ	13/02/2005	Kinh	6,70	36,00	
403	NGUYỄN BẢO VY	Nữ	22/03/2005	Kinh	7,50	36,00	
404	NÔNG DUY VỸ	Nam	14/06/2005	Tày	5,80	27,50	
405	NGUYỄN TRÍ Ý	Nam	15/02/2005	Kinh	7,30	36,00	
406	NGUYỄN THỊ NGỌC YẾN	Nữ	17/05/2005	Kinh	7,40	36,50	
407	PHƯƠNG THỊ YẾN	Nữ	01/08/2005	Kinh	7,20	36,00	

HIỆU TRƯỞNG

Nguyễn Quốc Thanh